

Số: 136/2026/TT-BCA

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2026

THÔNG TƯ

**Quy định danh mục sản phẩm khai thác, sử dụng thông tin
trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư**

Căn cứ Luật Căn cước số 26/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2024/QH15, Luật số 116/2025/QH15 và Luật số 148/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 70/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 58/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 11/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định danh mục sản phẩm khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định danh mục sản phẩm khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an; cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh; Công an xã, phường, đặc khu.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư quy định tại Điều 8 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 58/2026/NĐ-CP.

Điều 3. Sản phẩm khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

1. Sản phẩm khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là kết quả khai thác, đối chiếu, xác thực, xử lý, thống kê, phân tích hoặc dự báo thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do cơ quan quản lý căn cước, Công an xã, phường, đặc khu cung cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân dưới hình thức tin nhắn SMS, văn bản điện tử hoặc văn bản giấy.

2. Danh mục sản phẩm khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư gồm:

a) Kết quả xác thực thông tin bằng tin nhắn SMS, văn bản điện tử hoặc văn bản giấy (ký hiệu SPDC01);

b) Kết quả trả lời thông tin đề nghị khai thác bằng tin nhắn SMS (ký hiệu SPDC02);

c) Kết quả trả lời thông tin đề nghị khai thác bằng văn bản điện tử qua cổng dịch vụ công (ký hiệu SPDC03);

d) Kết quả trả lời thông tin đề nghị khai thác bằng văn bản điện tử qua ứng dụng phần mềm (ký hiệu SPDC04);

đ) Kết quả trả lời thông tin đề nghị khai thác bằng văn bản giấy (ký hiệu SPDC05);

e) Kết quả thống kê bằng văn bản điện tử hoặc văn bản giấy (ký hiệu SPDC06);

g) Kết quả thống kê, phân tích bằng văn bản điện tử hoặc văn bản giấy (ký hiệu SPDC07);

h) Kết quả thống kê, phân tích, dự báo bằng văn bản điện tử hoặc văn bản giấy (ký hiệu SPDC08);

i) Kết quả phân tích và cung cấp chỉ số dữ liệu cá nhân bằng văn bản điện tử hoặc văn bản giấy (ký hiệu SPDC09).

3. Nội dung đề nghị, kết quả cung cấp sản phẩm tại điểm a khoản 2 Điều này được quy định như sau:

a) Nội dung đề nghị gồm: thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị xác thực; căn cứ, mục đích xác thực; thông tin họ và tên, ngày, tháng, năm sinh và số định danh cá nhân của chủ thể được đề nghị xác thực và các trường thông tin đề nghị xác thực;

b) Kết quả cung cấp đối với nội dung đề nghị xác thực là tin nhắn SMS, văn bản điện tử hoặc văn bản giấy xác định thông tin trùng khớp, không trùng khớp, không có thông tin hoặc chưa đủ căn cứ xác thực so với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư kèm theo thông tin đã được xác thực trong phạm vi đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân (nếu có).

4. Nội dung đề nghị, kết quả cung cấp sản phẩm tại các điểm b, c, d và đ khoản 2 Điều này được quy định như sau:

a) Nội dung đề nghị gồm: thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị khai thác; căn cứ, mục đích khai thác; thông tin họ và tên, ngày, tháng, năm sinh và số định danh cá nhân của chủ thể được đề nghị khai thác và các trường thông tin đề nghị khai thác;

b) Kết quả cung cấp là tin nhắn SMS, văn bản điện tử hoặc văn bản giấy trả lời, cung cấp thông tin theo nội dung đề nghị trong phạm vi được phép cung cấp; trường hợp không có thông tin, không đủ căn cứ trả lời hoặc yêu cầu không đáp ứng điều kiện khai thác thì kết quả trả lời phải nêu rõ lý do.

5. Nội dung đề nghị, kết quả cung cấp sản phẩm tại các điểm e, g và h khoản 2 Điều này được quy định như sau:

a) Nội dung đề nghị gồm: thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị khai thác; căn cứ, mục đích khai thác; phạm vi địa bàn, khoảng thời gian, thời điểm thống kê; đối tượng, tiêu chí, chỉ tiêu, nội dung và hình thức thể hiện kết quả;

b) Kết quả cung cấp đối với sản phẩm quy định tại điểm e khoản 2 Điều này được thể hiện bằng văn bản điện tử hoặc văn bản giấy gồm: số liệu thống kê được tổng hợp theo đối tượng, phạm vi, thời gian, tiêu chí và chỉ tiêu;

c) Kết quả cung cấp đối với sản phẩm quy định tại điểm g khoản 2 Điều này được thể hiện bằng văn bản điện tử hoặc văn bản giấy gồm: số liệu thống kê và kết quả phân tích về đặc điểm, cơ cấu, mức độ biến động, xu hướng hoặc mối liên hệ giữa các chỉ tiêu;

d) Kết quả cung cấp đối với sản phẩm quy định tại điểm h khoản 2 Điều này được thể hiện bằng văn bản điện tử hoặc văn bản giấy gồm: số liệu thống kê, kết quả phân tích và kết quả dự báo về xu hướng, khả năng biến động của đối tượng trong thời kỳ dự báo;

đ) Kết quả thống kê, phân tích, dự báo được xác định trên cơ sở thông tin, dữ liệu hiện có tại thời điểm thực hiện và phương pháp phân tích, dự báo được áp dụng; hỗ trợ việc xem xét, ra quyết định theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và không thay thế quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền;

e) Kết quả cung cấp được thể hiện dưới dạng thông tin tổng hợp của một vùng dân cư, không cung cấp thông tin định danh của cá nhân cụ thể, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

g) Trường hợp nội dung đề nghị không đáp ứng điều kiện khai thác, không có dữ liệu, dữ liệu chưa đầy đủ hoặc nội dung đề nghị không phù hợp để thống kê, phân tích, dự báo thì cơ quan quản lý căn cước có thẩm quyền thông báo kết quả hoặc lý do không cung cấp.

6. Nội dung đề nghị, kết quả cung cấp sản phẩm quy định tại điểm i khoản 2 Điều này được quy định như sau:

a) Nội dung đề nghị gồm: thông tin về cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị khai thác; căn cứ, mục đích khai thác; thông tin họ và tên, ngày, tháng, năm sinh và số định danh cá nhân của chủ thể được đề nghị phân tích, cung cấp; hình thức nhận kết quả;

b) Thông tin phục vụ phân tích và xác định chỉ số dữ liệu cá nhân gồm: thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thuộc phạm vi được phép khai thác và các thông tin, dữ liệu khác được kết nối, chia sẻ, cung cấp hợp pháp theo quy định của pháp luật;

c) Kết quả cung cấp được thể hiện bằng văn bản điện tử hoặc văn bản giấy gồm: một hoặc một số chỉ số dữ liệu cá nhân được hình thành từ việc xử lý, phân tích dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

d) Việc cung cấp và sử dụng chỉ số dữ liệu cá nhân phải bảo đảm đúng mục đích, đối tượng, thẩm quyền, phạm vi và điều kiện khai thác; bảo đảm tính khách quan, chính xác, có thể kiểm tra, đối chiếu; bảo đảm an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật;

đ) Trường hợp nội dung đề nghị không đáp ứng điều kiện khai thác không phù hợp với phạm vi thông tin được phép khai thác thì cơ quan quản lý căn cước có thẩm quyền thông báo kết quả hoặc lý do không cung cấp.

7. Văn bản điện tử do cơ quan có thẩm quyền tạo lập, ký số hoặc xác nhận điện tử và được truyền, nhận, lưu trữ theo quy định của pháp luật về dữ liệu; văn bản giấy do cơ quan có thẩm quyền cấp phải thể hiện đầy đủ các nội dung gồm: cơ quan cung cấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị khai thác, nội dung đề nghị, kết quả cung cấp, thời điểm cung cấp và được ký, đóng dấu theo quy định.

8. Việc khai thác, xác thực và cung cấp sản phẩm theo quy định tại Điều này phải bảo đảm đúng mục đích, đúng thẩm quyền, đúng phạm vi thông tin được phép khai thác; chỉ cung cấp thông tin cần thiết theo yêu cầu hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân và không cung cấp toàn bộ thông tin về cá nhân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2026.

2. Thông tư số 08/2022/TT-BCA ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định danh mục sản phẩm khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng đơn vị thuộc cơ quan Bộ, Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội) để được hướng dẫn kịp thời./.

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ;
- Công an các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Công an;
- Lưu: VT, V03, C06.



Đại tướng Lương Tam Quang

